

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2021
“V/v ly hôn giữa chị T-anh K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tụ;
2. Bà Nguyễn Thị Doan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-DS ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Th, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh K; Chị T có đơn xin xử án vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai nguyên đơn là chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung K tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 16/4/2012, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã H và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2015 mâu

thuần căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 08/5/2013, con chung chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn tại biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Trung K trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị T về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí xin được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị T đã khai. Nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh K. Về con chung: Xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Phạm Trung K được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 16/4/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã H và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2015 mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã đưa con chung trở về Hà Nam sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Đối với anh K, trong quá trình giải quyết vụ án anh K cũng xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh đề nghị xin được thuận tình ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh K là có căn cứ.

[3]Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự về nuôi dưỡng con chung cho thấy, chị T và anh K có 01 con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 08/5/2013 được chị T trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, hiện tại chị T làm công nhân có thu nhập ổn định. Đối với anh K kể từ thời điểm tháng 5/2015 cho đến nay anh cũng không thăm con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 28/7/2021 cháu Nh có đơn (có xác nhận của UBND xã L) gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng hiện tại đang ổn định học tập tại xã L và đề nghị xin được ở với mẹ. Vì vậy cần giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]Về án phí và lệ phí tòa án: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 08/5/2013 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001888 ngày 19/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị T và anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC